

Số: /BC-STC

Hải Dương, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý giá tháng 02 năm 2023

I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

1. Tổng quan tình hình giá cả thị trường

Giá cả thị trường hàng hóa và dịch vụ tại Hải Dương tháng 02/2023 có xu hướng tăng. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2023 là 101,33%, tăng 1,33% so với tháng 01/2023, tăng 3,08% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân làm cho chỉ số giá tiêu dùng tháng này tăng do hầu hết các nhóm hàng chính đều tăng so với tháng trước, cụ thể: có 09 nhóm tăng, 03 nhóm giảm là nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,71%; Đồ uống và thuốc lá giảm 0,26%; May mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,22%. Giá vàng tháng này có biến động tăng, tăng 1,27% so với tháng trước; cùng với giá Vàng, giá Đô la Mỹ tháng này có biến động tăng, tăng 0,25% so với tháng trước. Đây là những yếu tố biến động chính tác động đến tình hình giá cả thị trường chung và chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 02/2023.

Biểu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02 năm 2023

(theo số liệu của Cục Thống kê Hải Dương)

Mã nhóm hàng	Nhóm hàng	Chỉ số giá so với (%)		
		Tháng trước	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước
	Chỉ số giá chung	101,33	103,08	101,93
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99,29	103,80	100,83
1	Lương thực	100,28	101,92	100,92
2	Thực phẩm	98,96	103,35	100,66
3	Ăn uống ngoài gia đình	100,22	107,22	101,58
II	Đồ uống và thuốc lá	99,74	105,11	100,58
III	May mặc, mũ nón, giày dép	99,78	103,38	100,29
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	107,38	106,99	107,09
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,03	103,10	100,09
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,06	100,94	100,12

VII	Giao thông	102,11	98,64	103,17
VIII	Buru chính viễn thông	100,01	100,54	100,05
IX	Giáo dục	100,00	100,66	100,02
X	Văn hoá, giải trí và du lịch	100,87	101,63	100,86
XI	Hàng hoá và dịch vụ khác	100,44	103,50	100,66
	Vàng 99,99%, kiểu nhẫn tròn	101,27	101,89	101,83
	Đô la Mỹ, loại từ 50-100 USD	100,25	103,88	98,00

2. Diễn biến một số mặt hàng chủ yếu

2.1. Hàng lương thực

Chỉ số giá nhóm hàng lương thực trong tháng 01/2023 là 100,28%, tăng 0,28% so với tháng 01/2023, tăng 1,92% so với tháng 02/2022.

Nguyên nhân làm cho chỉ số nhóm lương thực tháng này có xu hướng tăng chủ yếu do một số mặt hàng gạo nếp, mặt hàng lương thực chế biến (bánh đa, miến,...) tăng, do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng trong dịp Rằm tháng Giêng. Giá một số mặt hàng phổ biến như sau: Thóc tẻ thường giá từ 8.000đ/kg - 9.000đ/kg; gạo tẻ thường (Khang dân hoặc tương đương) giá từ 14.000đ/kg - 15.200đ/kg; gạo tẻ ngon (Bắc thơm) giá từ 17.000đ/kg - 18.500đ/kg; gạo nếp cái hoa vàng giá từ 28.500đ/kg – 33.000đ/kg.

Giá cả các mặt hàng lương thực khác giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 01/2023.

2.2. Hàng thực phẩm

Chỉ số giá nhóm hàng thực phẩm trong tháng 02/2023 là 98,96%, giảm 1,04% so với tháng 01/2023, tăng 3,35% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 0,66% so với tháng 12/2021.

Nguyên nhân làm cho chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 1,04% so tháng trước là do nguồn cung dồi dào. Giá lợn hơi trong tháng biến động giảm, ở mức 56.000đ/kg - 58.000đ/kg. Do đó, giá của các mặt hàng thịt lợn thành phẩm cũng biến động giảm. Giá cả các mặt hàng phổ biến trong tháng cụ thể như sau: thịt lợn mỡ sẵn giá 120.000đ/kg-130.000đ/kg; thịt lợn nạc thăn giá 120.000/kg-130.000đ/kg; thịt bò thăn, bò bắp (loại 1) giá 290.000đ/kg - 300.000đ/kg; gà ta còn sống giá 120.000đ/kg-130.000đ/kg. Giá các loại rau trong tháng cụ thể như sau: bắp cải trắng giá 14.000đ/kg - 16.000đ/kg; cà chua giá 19.000đ/kg - 22.000đ/kg; bí xanh giá 19.000đ/kg - 22.000đ/kg;...

Các mặt hàng thực phẩm khô, thực phẩm chế biến giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 01/2023.

2.3. Hàng tư liệu sản xuất - vật liệu xây dựng

a) Vật tư phân bón

Giá cả các mặt hàng vật tư phân bón về cơ bản diễn biến ổn định, đảm bảo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giá phân đạm urê phổ biến từ 8.000đ/kg-8.500đ/kg; giá phân lân từ 2.800đ/kg-3.000đ/kg.

b) Xăng, dầu

Giá các mặt hàng xăng, dầu trong tháng 02/2023 được điều chỉnh 02 lần, cụ thể:

- Từ 15h00 ngày 13/02/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 22.860đ/l, tăng 540đ/l; xăng RON 95-III là 23.760đ/l, tăng 620đ/l; dầu Diesel 0,05S-II là 21.560đ/l, giảm 960đ/l.

- Từ 15h00 ngày 21/02/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 22.540đ/l, giảm 320đ/l; xăng RON 95-III là 23.440đ/l, giảm 320đ/l; dầu Diesel 0,05S-II là 20.800đ/l, giảm 760đ/l.

c) Vật liệu xây dựng

Giá cả các mặt hàng vật liệu xây dựng trong tháng 02/2023 tại Hải Dương biến động tăng ở mặt hàng gas đun và thép xây dựng. Giá một số mặt hàng phổ biến hiện nay như sau: Thép trơn xây dựng (loại Φ6-8): 17.000đ/kg – 19.000đ/kg; Cát vàng đổ bê tông: 480.000đ/m³ - 560.000đ/m³; cát đen xây dựng: 180.000đ/m³ - 230.000đ/m³; cát đen san lấp mặt bằng (đổ nền): 150.000đ/m³ - 190.000đ/m³; xi măng đen PCB30 Hoàng Thạch: 90.000đ/bao 50kg.

2.4. Vàng, đô la Mỹ

a) Giá vàng

Giá vàng tại thị trường Hải Dương trong tháng 02/2023 diễn biến tăng do biến động thất thường của giá vàng thế giới nên ảnh hưởng tới giá vàng trong nước. Chỉ số giá vàng tháng 02/2023 là 101,27%, tăng 1,27% so với tháng 01/2023, tăng 1,89% so với tháng 02/2022. Giá vàng bình quân tháng 02/2023 là 5.508 ngàn đồng/ 1 chỉ và tăng 69 ngàn đồng/1 chỉ so với tháng trước. Giá vàng trên thị trường hiện tiếp tục có xu hướng tăng, phổ biến từ 5.495.000đ/chỉ - 5.515.000đ/chỉ và tiếp tục diễn biến theo xu hướng phức tạp, khó dự báo.

b) Đô la Mỹ

Cùng với giá vàng, giá Đô la Mỹ tại thị trường Hải Dương trong tháng 02/2023 tăng. Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 02/2023 là 100,25%, tăng 0,25% so với tháng 01/2023, tăng 3,88% so với tháng 02/2022. Giá Đô la Mỹ bình quân tháng 02/2023 là 2.371.889đồng/100USD, tăng 5.974 đồng/100USD so với tháng trước. Hiện nay, giá Đô la Mỹ trên thị trường Hải Dương đang có mức giá giao động từ 2.360.000 - 2.380.000 đồng/100USD.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ THÁNG 02 NĂM 2023

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xác định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử

dụng đất ở trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ (trong tháng 02/2023 đã thẩm định 01 hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định).

- Thẩm định giá nhà nước làm cơ sở tổ chức mua sắm tài sản công theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Hải Dương (trong tháng 02/2023 đã thẩm định 02 hồ sơ theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị).

- Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá các loại VLXD phổ biến tại nơi tiêu thụ tập trung tháng 02 năm 2023 làm cơ sở lập, thẩm tra, điều chỉnh dự toán các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh trong tháng 03 năm 2023.

- Thực hiện các vụ việc về thẩm định giá trong tổ tụng hình sự.

- Xác định giá trị tài sản thanh lý, tài sản không cần dùng của một số cơ quan, đơn vị, tài sản kê biên của các cơ quan pháp luật để bán đấu giá theo quy định; tham mưu, đề xuất phương án điều chuyển tài sản theo nhu cầu sử dụng của các đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định phương án bồi thường GPMB các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá đất tái định cư, giao đất có thu tiền không thông qua hình thức đấu giá, đơn giá bồi thường về đất theo quy định.

- Thực hiện quy trình về ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật đối với việc bổ sung danh mục và giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và công trình kiến trúc.

- Một số công việc thường xuyên khác./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Tỉnh ủy Hải Dương;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Phòng TC- KH các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, QLG-CS (H.A)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đồng Kim